

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **783** /TTg-KTN
V/v điều chỉnh quy hoạch
phát triển các khu công nghiệp
tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2016

| | |
|----------------------------------|------------------|
| CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ | |
| ĐẾN | Giờ: ... C. |
| | Ngày: 12/5. |

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2471/BKHĐT-QLKKT ngày 01 tháng 4 năm 2016 về Đề án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

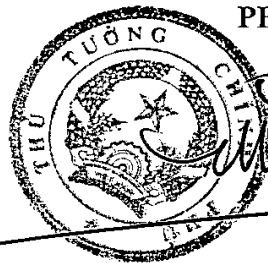
1. Đồng ý điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn nêu trên, cụ thể: bổ sung khu công nghiệp Láng Trâm, diện tích 100 ha vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp cả nước (Phụ lục kèm theo).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, tổ chức thực hiện quy hoạch đã được duyệt; chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch chi tiết, thực hiện thủ tục thành lập khu công nghiệp đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các điều kiện và trình tự theo quy định; sớm có giải pháp để đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung đồng thời thực hiện giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật về môi trường tại các khu công nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Trịnh Đình Dũng;
- Các Bộ: TN&MT, CT, XD, QP, GTVT, NN&PTNT;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,
- Các Vụ: TH, KTTH, V.III;
- Lưu: VT, KTN (3) Khanh. *KT*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng



Phụ lục

Tình hình thực hiện và dự kiến quy hoạch phát triển các KCN tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020
(Kèm theo Công văn số 783 /TTg-KTN ngày 4 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

| Số TT | Tên khu công nghiệp | Diện tích KCN đã quy hoạch | Tình hình thực tế | | Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất) | Phương án điều chỉnh quy hoạch | | | | |
|-----------|---|----------------------------|--|--|---|--|--|--|--|------------|
| | | | Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNĐT | Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNĐT | | Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt | Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt | Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới đến năm 2020 | | |
| I | KCN được phê duyệt theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2006 | | | | | | | | | |
| 1 | KCN Trà Kha | 66 | 65 | 1 | 65 | 65 | | | | |
| II | KCN quy hoạch thành lập mới đến năm 2020 | | | | | | | | | |
| 2 | KCN Láng Trám | | | | 100 | 100 | | | | 100 |
| 3 | KCN Ninh Quới | | | | 257 | | | | | |
| | Tổng cộng | 66 | 65 | | 422 | 165 | | | | 100 |